TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2020/DS-PT
Ngày: 12 - 3 – 2020
V/v tranh chấp hụi

HÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út
Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan
Ông Nguyễn Thành Lập

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Tạ Trà My – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp "Tranh chấp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2020/QĐPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1955 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh C

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H (Vắng mặt);
Bà Nguyễn Kim T2 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh C

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T1 – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T1 trình bày*:

Vào năm 2017 âm lịch, ông có mở hụi loại 20.000.000 đồng, tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng, hụi gồm 30 chân. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim T2 tham gia chơi 01 chân. Đến kỳ thứ 03 bà T2 bỏ thăm hốt và đóng lại cho ông được 22 kỳ thì ngưng đóng. Hụi hiện nay đã mãn ông H và bà T2 còn nợ lại ông 08 kỳ với số tiền là 160.00.000 đồng nhưng ông H và bà T2 không

thanh toán. Nay ông yêu cầu ông H và bà T2 thanh toán cho ông số tiền hụi còn nợ là 160.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim T2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H, bà T2 vẫn vắng mặt không lý do.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim T2 thanh toán số tiền hụi 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 09/12/2019 ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa: Ông T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn T1 trình bày vào ngày 15/11/2017 âm lịch có mở hụi loại 20.000.000 đồng, gồm có 30 chân, vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim T2 có tham gia chơi 01 chân, đã hốt và còn nợ lại 08 kỳ chưa đóng với số tiền 160.000.000 đồng. Tại các biên bản từ chối nhận văn bản ông H xác định không liên quan đến việc chơi hụi với ông T1, còn việc vợ ông là bà T2 có chơi hay không thì

ông không biết. Tại các biên bản xác minh gồm: Biên bản ngày 10/10/2019, chị Huỳnh Ngọc Tú xác định có tham gia chơi hụi loại 20.000.000 đồng (do ông T1 làm chủ), hụi khui vào ngày 15/11/2017 âm lịch nhưng việc ông H và bà T2 có tham gia chơi chân hụi này hay không thì chị Tú không rõ, khi đi khui hụi chị Tú có thấy bà T2 đi bỏ hụi nhưng không xác định được là dây hụi nào. Đối với bà Đặng Thị Bảy, chị Tô Thị Thu Hồng, bà Trần Thị Năm xác định trong danh sách hụi có tên "5 Hưng" và người trực tiếp đi bỏ hụi là bà T2 vợ ông H, nên có cơ sở xác định việc chơi hụi giữa ông T1 với ông H và bà T2 là thực tế có xảy ra. Tuy nhiên, đối với phần tiền hụi còn nợ thì bà Bảy, chị Hồng, bà Năm không xác định được ông H, bà T2 còn nợ hụi ông T1 hay không, vì hụi gom theo kỳ khui; và khi ông T1 gom hụi thì ông T1 có ký vào sổ của những người chơi hụi và hụi hiện nay đã mãn. Phía ông H chồng bà T2 không thừa nhận việc nợ tiền hụi của ông T1. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ngoài cuốn sổ ghi tên của những người tham gia chơi hụi thì ông T1 không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc vợ chồng ông H và bà T2 còn nợ lại ông số tiền hụi là 160.000.000 đồng (không có chứng cứ chốt nợ). Đối với nội dung ông T1 cho rằng sổ hụi ông giao cho hụi viên là bà T2 giữ, ông T1 không giữ, xét lời trình bày này không phù hợp, bởi lẽ nếu phía nợ là bà T2 thì ông T1 phải giữ sổ theo dõi hụi, trường hợp bà T2 có vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì ông T1 còn có chứng cứ để đòi nợ. Trong khi đó, hụi đã mãn một thời gian dài, nguyên đơn cho rằng bị đơn không đóng hụi chết (08 kỳ), nguyên đơn mới đi kiện đòi. Trong vụ án này, về nghĩa vụ chứng minh thuộc về ông T1, bởi lẽ theo quy định tại Điều 9 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 hướng dẫn về hụi của Chính phủ (nay là Điều 12 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 hướng dẫn về hụi của Chính phủ), thì chủ hụi phải lập sổ hụi, theo dõi việc viên hốt bao nhiêu chân, đóng bao nhiêu chân, nợ còn lại là bao nhiêu chân, điều này phải được chủ hụi và hụi viên xác nhận. Tuy nhiên, vấn đề này không được ông T1 thực hiện. Nay ông T1 kiện đòi bị đơn trả nợ, nhưng ông không chứng minh được cho yêu cầu khởi kiện của ông, nên Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1 là có căn cứ; cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[3] Về án phí: Án phí sơ thẩm, Bản án sơ thẩm đã xử lý là phù hợp. Án phí phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T1 được miễn do người cao tuổi theo Điều 12, 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim T2 thanh toán số tiền hụi 160.000.000 *(Một trăm sáu mươi triệu đồng)*.

2. Về án phí:

- *Về án phí sơ thẩm:*

Án phí dân sự có giá ngạch ông Nguyễn Văn T1 được miễn theo quy định pháp luật. Ngày 19 tháng 6 năm 2019 ông T1 đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 4.000.000 đồng theo biên lai thu tiền án phí số 0005778 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, ông T1 được nhận lại.

- *Án phí phúc thẩm:* Ông Nguyễn Văn T1 được miễn toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Út